TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:131/2024/DS-ST
Ngày: 31-12-2024
V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hoàng

Ông Trương Đức Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 293/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên 161/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: *Ngân hàng N1 (A)*

Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng giám đốc A

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy S - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N2 - Chi nhánh huyện H, tỉnh Bắc Giang

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Ngô Thành L -Trưởng phòng Khách hàng A chi nhánh huyện H, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

- Bị đơn: *Ông Hữu Văn S1, sinh năm 1961 (có mặt)*

Nơi trú tại: thôn C, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

(Bà T ủy quyền cho ông S1)

Cùng địa chỉ: thôn C, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2024, bản tự khai và tại phiên tòa, ông Ngô Thành L là người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày:*

Căn cứ Sổ vay vốn số BC 930108 ngày 28/07/2006, đã thỏa thuận và ký kết giữa Ngân hàng N2 (A) - Chi nhánh huyện H, tỉnh Bắc Giang và ông Hữu Văn S1 số tiền vay là: 22.000.000 đồng; ngày 17/10/2008 thì ngân hàng giải ngân; Mục đích vay chăn nuôi; vay không có tài sản bảo đảm. Trong quá trình vay thì ông S1 chưa trả được số tiền gốc và lãi nào. Tính đến hết ngày 30/09/2024, tổng dư nợ của ông Hữu Văn S1 tại A Chi nhánh huyện H là: 55.828.972 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 22.000.000 đồng; Nợ lãi: 33.828.972 đồng. Nay, buộc ông Hữu Văn S1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Sổ vay vốn số BC 930108 ngày 28/07/2006 đến ngày ông Hữu Văn S1 trả hết nợ gốc cho A. Nếu ông Hữu Văn S1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa có hiệu lực pháp luật thì A Chi nhánh huyện H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thi hành bản án/quyết định của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tại đơn khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng yêu cầu ông Hữu Văn S1 và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 55.828.972 đồng *(Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu tám trăm hai mươi tám nghìn chín chăm bảy mươi hai đồng).* Trong quá trình giải quyết, thì đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu cá nhân ông S1 phải trả cho Ngân hàng N2 - Chi nhánh huyện H, tỉnh Bắc Giang số tiền nêu trên.

Tại phiên tòa ông L có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình. Buộc ông Hữu Văn S1 phải trả cho Ngân hàng N2 - Chi nhánh huyện H, tỉnh Bắc Giang số tiền tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/12/2024 là: 56.363.083 đồng, (Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, không trăm tám mươi ba đồng).Trong đó:Nợ gốc: 22.000.000 đồng, lãi trong hạn: 2.119.028 đồng, lãi quá hạn: 32.244.056 đồng.

** Bị đơn ông Hữu Văn S1 trình bày:*

Ngày 28/7/2006, ông có ký kết với Ngân hàng N2 (A)-Chi nhánh huyện H, tỉnh Bắc Giang vay vốn số tiền 22.000.000 đồng, mục đích vay để con trai đi nước ngoài lao động. Sau khi vay thì ông có trả lãi được khoảng 7 tháng tiền lãi, còn số tiền gốc thì ông chưa trả được ít nào. Ông xác định các chữ ký *"S1, Hữu Văn S1"* tại sổ vay vốn ngày 28/7/2006; giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn ngày 16/10/2008; thỏa thuận bổ sung sổ vay vốn ngày 17/10/2008 là do ông viết và ký. Ông xác định đây là khoản nợ riêng của ông và xin tự cá nhân ông trả số tiền trên.

Tại thời điểm vay tiền thì gia đình ông không thế chấp quyền sử dụng đất.

Nay Ngân hàng N1 chi nhánh huyện H yêu cầu ông Hữu Văn S1 phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 31/12/2024 là: 56.363.083 đồng, (Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, không trăm tám mươi ba đồng).Trong đó:Nợ gốc: 22.000.000 đồng, lãi trong hạn: 2.119.028 đồng, lãi quá hạn: 32.244.056

đồng và phải tiếp tục chịu các khoản lãi phát sinh theo quy định tại Sổ vay vốn cho đến khi thanh toán hết nợ gốc thì ông đồng ý trả số tiền gốc còn số tiền lãi thì ông xin được miễn. Ông xác định đây là nợ của cá nhân ông vì ông là người đứng tên vay vốn, mẹ ông là bà C và vợ là bà T không được sử dụng số tiền trên, vì mục đích ông vay không phải vì phát triển chăn nuôi, mà là để con trai ông lao động xuất khẩu ở nước ngoài.

Tại phiên tòa ông S1 có mặt và đồng ý trả số tiền gốc là 22.000.000 đồng, còn số tiền lãi thì ông xin được miễn.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:* Bà nhất trí với phần trình bày của ông S1 và xác định là nợ riêng của cá nhân ông S1. Vì lý do công việc nên bà ủy quyền cho ông S1 tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý đến khi kết thúc vụ án, mọi quyết định của ông S1 là quyết định của ông.

Tại phiên tòa bà xin vắng mặt

*****Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 3 Điều 144; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 117; Điều 429; Điều 463, Điều 466; Điều 468; Điều 470 -Bộ luật dân sự;

Điều 91; Điều 95 - Luật các tổ chức tín dụng;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Hữu Văn S1 phải trả cho Ngân hàng N2 - Chi nhánh huyện H, tỉnh Bắc Giang số tiền tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/12/2024 là: 56.363.083 đồng, (Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, không trăm tám mươi ba đồng). Trong đó: Nợ gốc: 22.000.000 đồng, lãi trong hạn: 2.119.028 đồng, lãi quá hạn: 32.244.056 đồng.

Ông Hữu Văn S1 tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Sổ vay vốn số BC 930108 ngày 28/07/2006 đến ngày ông Hữu Văn S1 trả hết nợ gốc cho A.

Trường hợp ông Hữu Văn S1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa có hiệu lực pháp luật, thì A Chi nhánh huyện H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thi hành bản án/quyết định của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự: Ông Hữu Văn S1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc đối tượng người cao tuổi.

-Trả lại Ngân hàng N1 (A) -Chi nhánh huyện H, tỉnh Bắc Giang 1.395.724 đồng (Một triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn, bẩy trăm hai mươi tư đồng) tiền tạm ứng án phí.

Đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo và yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thời hiệu khởi kiện: Do các đương sự trong vụ án không yêu cầu xem xét, nên không xem xét, áp dụng.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Ngân hàng N1 (A)-Chi nhánh huyện H, tỉnh Bắc Giang khởi kiện yêu cầu ông S1 trả số tiền đã cho vay. Bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện H, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo thủ tục tố tụng dân sự là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 -Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

Đối với khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng:

Theo lời khai của các bên đương sự đều phù hợp với nội dung: Ngày 28/07/2006, giữa (A) - Chi nhánh huyện H, Bắc Giang và ông Hữu Văn S1 đã thỏa thuận ký Sổ vay vốn số BC 930108 ngày 28/07/2006, hạn mức là: 22.000.000 đồng. Mục đích vay vốn: Chăn nuôi. Khi vay không có tài sản bảo đảm. Tính đến hết ngày 31/12/2024 là: 56.363.083 đồng, (Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, không trăm tám mươi ba đồng).Trong đó: Nợ gốc: 22.000.000 đồng, lãi trong hạn: 2.119.028 đồng, lãi quá hạn: 32.244.056 đồng. Ông S1 xác định có vay và còn nợ số tiền gốc chưa trả được ít nào, còn số tiền lãi trả được ít, nhưng không nhớ số tiền cụ thể bao nhiêu. Nay Ngân hàng N1 (A) -Chi nhánh huyện H, tỉnh Bắc Giang khởi kiện số tiền trên ông S1 trả số tiền trên là có căn cứ, cần được chấp nhận và tiếp tục chịu lãi theo Hợp đồng cho vay hạn mức là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Trong đơn khởi kiện ngân hàng yêu cầu ông Hữu Văn S1 và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 55.828.972 đồng *(Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu tám trăm hai mươi tám nghìn chín chăm bảy mươi hai đồng).* Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân ông S1 phải có nghĩa vụ trả số tiền trên, và ông S1 và bà T cũng xác định là nợ riêng của cá nhân ông. Do vậy, buộc cá nhân ông S1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là có căn cứ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1 (A) -Chi nhánh huyện H,

tỉnh Bắc Giang được chấp nhận nên ông S1 phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định. Do ông S1 thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Trả lại Ngân hàng N1 (A) -Chi nhánh huyện H, tỉnh Bắc Giang số tiền 1.395.724 đồng (Một triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn, bẩy trăm hai mươi tư đồng) tiền tạm ứng án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 3 Điều 144; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 117; Điều 429; Điều 463, Điều 466; Điều 468; Điều 470 -Bộ luật dân sự;

Điều 91; Điều 95 - Luật các tổ chức tín dụng;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Xử:

1.Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Hữu Văn S1 phải trả cho Ngân hàng N2 - Chi nhánh huyện H, tỉnh Bắc Giang tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/12/2024 là: 56.363.083 đồng, (Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, không trăm tám mươi ba đồng).Trong đó: Nợ gốc: 22.000.000 đồng, lãi trong hạn: 2.119.028 đồng, lãi quá hạn: 32.244.056 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Hữu Văn S1 tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Sổ vay vốn số BC 930108 ngày 28/07/2006 đến ngày ông Hữu Văn S1 trả hết nợ gốc cho A.

Trường hợp ông Hữu Văn S1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa có hiệu lực pháp luật, thì A Chi nhánh huyện H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thi hành bản án/quyết định của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2.Về án phí dân sự:

-Ông Hữu Văn S1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc đối tượng người cao tuổi.

-Hoàn trả lại Ngân hàng N1 (A) - Chi nhánh huyện H, tỉnh Bắc Giang 1.395.724 đồng (Một triệu, ba trăm chín mươi lăm nghìn, bẩy trăm hai mươi tư đồng) tiền tạm

ứng án phí theo biên lai số 0004264 ngày 30/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang .

3. Về quyền kháng cáo:

-Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

-Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Sự

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đoàn Thị Oanh